

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGŨ VĂN 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2024-2025

PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần văn bản:

1. Đặc điểm thơ bốn chữ, năm chữ:

Thơ bốn chữ là thể thơ mỗi dòng có bốn chữ, thường có nhịp 2/2.

Thơ năm chữ là thể thơ mỗi dòng có năm chữ, thường có nhịp 3/2 hoặc 2/3.

- **Hình ảnh trong thơ:** Là những chi tiết, cảnh tượng tự thực tế cuộc sống, được tái hiện lại ngôn từ thơ ca, góp phần diễn tả cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người.

- **Vần:**

+ Vần chân: vần được gieo ở cuối dòng thơ.

+ Vần lưng: vần gieo ở giữa câu thơ.

+ Vai trò của vần: Liên kết các dòng và câu thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, làm cho câu thơ, dòng thơ dễ nhớ dễ thuộc.

- **Nhịp thơ:**

+ Nhịp thơ được thể hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng/ngắt dòng đều đặn cuối mỗi dòng thơ.

+ Tác dụng của nhịp thơ: tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng biểu đạt nội dung thơ.

- **Thông điệp:** Là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học cách ứng xử mà văn bản muốn truyền đến người đọc.

2. Văn bản nghị luận văn học

2.1. Đặc điểm văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

a) Khái niệm:

Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: thuộc thể nghị luận văn học, được viết ra để bàn về một tác phẩm văn học.

b) Đặc điểm:

- Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận, có thể là về nhân vật, chi tiết, ngôn từ, đề tài, chủ đề, ...

- Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Các lí lẽ, bằng chứng cần căn cứ vào tác phẩm đang bàn luận.

+ Lí lẽ là những lí giải, phân tích về tác phẩm.

+ Bằng chứng là những sự việc, chi tiết, từ ngữ, trích dẫn, ... từ tác phẩm để làm sáng tỏ lí lẽ.

- Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

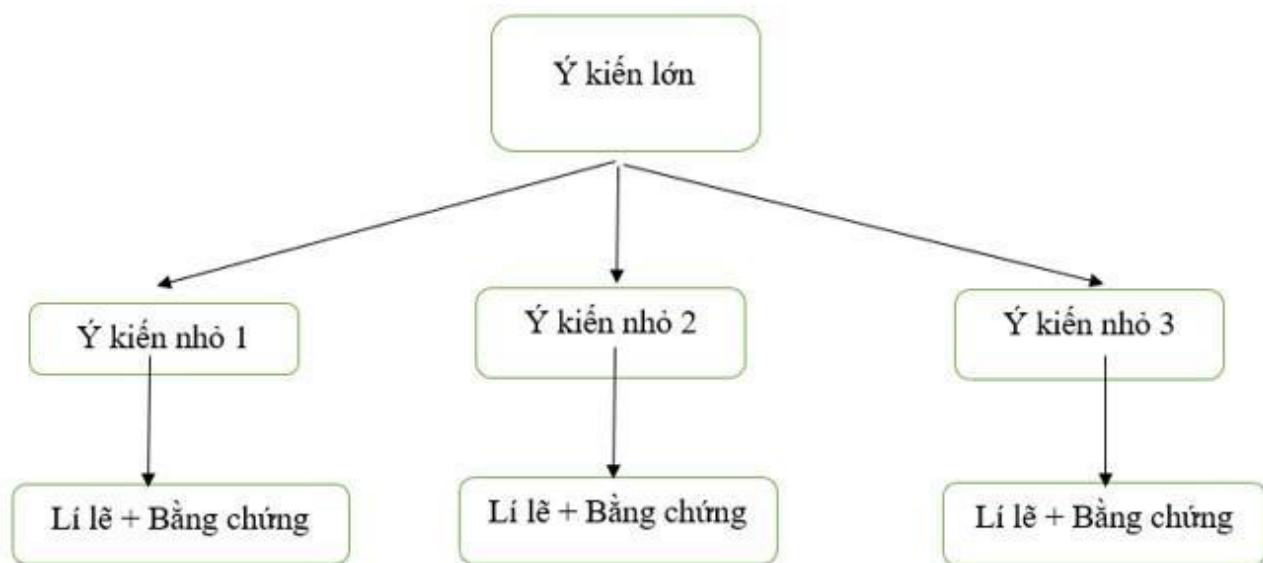
c) Mục đích và nội dung chính của văn bản nghị luận:

- Mục đích: thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của người viết (về đời sống hoặc văn học)

- Nội dung chính của văn bản nghị luận: là ý kiến, quan điểm mà người viết muốn thuyết phục người đọc.

- Cơ sở xác định nội dung chính của văn bản: Dựa vào nhan đề, ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, ...

d) Ý kiến lớn và ý kiến nhỏ trong văn bản nghị luận



3. Chủ điểm và các văn bản thơ đã học:

- Bài 1: Tiếng nói của vạn vật (Thơ bốn chữ, năm chữ)

+ *Lời của cây* (Trần Hữu Thung)

+ *Sang thu* (Hữu Thỉnh)

- Bài 3: *Những góc nhìn văn chương* (Nghị luận văn học)

+ *Em bé thông minh - nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian* (Trần Thị An)

+ *Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”* (Hoàng Tiến Tựu)

4. Nội dung ôn luyện:

- Thể loại, kiểu văn bản

- Tìm văn bản cùng chủ điểm, cùng thể loại, cùng kiểu văn bản.

- Về đặc điểm thể loại thơ bốn chữ, năm chữ: *giao vần; ngắt nhịp; hình ảnh, từ ngữ; biện pháp tu từ, thông điệp.*

- Hiểu những đặc điểm của thể loại văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (phân tích đặc điểm nhân vật) được thể hiện cụ thể qua văn bản: ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng; nội dung chính và mục đích của văn bản.

II. Phần Tiếng Việt:

1. Phó từ, dấu chấm lửng

Nội dung	Khái niệm	Đặc điểm, công dụng.
Phó từ	Phó từ là những từ chuyên đi kèm với danh từ, động từ, tính từ.	- Phó từ gồm hai nhóm sau: + Nhóm phó từ đi kèm trước danh từ, bổ sung về ý nghĩa số lượng cho danh từ, chẳng hạn: <i>những các, mọi, mỗi từng...</i> + Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước hoặc sau động từ, tính từ, chẳng hạn: <i>đã, đang, sẽ; vẫn, còn, cứ; không, chưa, chẳng; rất quá, lắm; ...</i>
Dấu chấm	Dấu chấm lửng được kí hiệu bởi	- Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp với dấu phẩy đứng trước đó.

lửng.	ba dấu chấm (...), còn gọi là dấu ba chấm, là một trong những loại dấu câu thường gặp trong văn viết.	- Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước châm biếm. - Biểu thị lời trích dẫn bị lược bỏ. - Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.
--------------	---	--

2. Nội dung ôn luyện:

- Nhận diện phó từ, nêu công dụng của dấu chấm lửng trong ngữ cảnh cụ thể.
- Đặt một câu có sử dụng *phó từ* hoặc *dấu chấm lửng* theo yêu cầu.

III. Tập làm văn.

Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

Dàn ý:

- **Mở bài:** Giới thiệu sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử.
- **Thân bài:** Thuật lại quá trình diễn biến của sự việc, chỉ ra mối liên quan giữa sự việc và nhân vật, sự kiện lịch sử, kết hợp kể chuyện với miêu tả.
- **Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết.

PHẦN 2. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

Hình thức: Tự luận

1. Đọc - hiểu: 4.0 điểm (Văn bản 3.5 đ; tiếng Việt 0.5 đ)

- Văn bản: Thơ bốn chữ, năm chữ; Nghị luận văn học (**Chọn ngữ liệu ngoài SGK**)
- + Thể loại, kiểu văn bản

- + Tìm văn bản cùng chủ điểm, cùng thể loại, cùng kiểu văn bản.
- + Về đặc điểm thể loại thơ bốn chữ, năm chữ: *giao vãn; ngắt nhịp; hình ảnh, từ ngữ; biện pháp tu từ, thông điệp.*
- + Nhận diện đặc điểm của thể loại nghị luận phân tích tác phẩm văn học: ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lý lẽ, bằng chứng; nội dung chính, mục đích của văn bản.
- Tiếng Việt: Nhận diện phó từ nêu công dụng của dấu chấm lửng trong ngữ cảnh cụ thể.

2. Vận dụng: 1.0 điểm

Đặt một câu có sử dụng *phó từ* hoặc *dấu chấm lửng* theo yêu cầu.

3. Vận dụng cao: 5.0 điểm

Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.

HẾT